

zhòng dòu zi zhòng dòu zi
种豆子/種豆子

pén zi 盆子 : pot	shítou shítou 石頭/石头 : rock	wā 挖 : to dig	zhǒng zi zhǒng zi 种子/种子 : seeds
gài gài 盖/盖 : to cover	jiāoshuǐ jiāoshuǐ 澆水/浇水 : to water	měitiān 每天 : everyday	



盆子下面放石头 盆子下面放石頭	每天澆水 每天浇水	第五天	放種子，蓋土 放种子，盖土
向下挖 1-2 公分	放泥土	第七天	第十天